

Bản án số: 745/2024/DS-ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2024
Về vi phạm: “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Quang Cảnh
- Ông Nguyễn Đình Thức

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ số 46/2024/DSST ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 777/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1142/2024/QĐST-HPT ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thanh D, chức vụ Tổng Giám Đốc;

Đại diện ủy quyền: Ông Trương Minh Đ, chức danh: Giám đốc chi nhánh T - Ngân hàng TMCP S (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022);

Ủy quyền lại: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991; Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2024;

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Đ1, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: 2 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2023, nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S trình bày: Ngày 04/08/2022, bà Nguyễn Thị Thu Đ1 ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Đ1, ngày 04/08/2022 Ngân hàng đã đồng ý

cấp thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback (436438-6488) với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, ngày 31/3/2023 bà Đ1 được nâng hạn mức lên 180.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến hết ngày 12/11/2023 tình hình giao dịch của Bà Đ1 như sau: Số thẻ: 436438-6488, Giao dịch: 885.817.006 đồng; Lãi phát sinh: 37.745.587 đồng; P (phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí khác): 7.033.149 đồng; Thanh toán: 714.866.103 đồng.

Ngày 05/07/2023, bà Nguyễn Thị Thu Đ1 thanh toán trễ hạn, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Đ1 vẫn không thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng. Do Bà Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 22/04/2021), ngày 05/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback (436438-6488) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến hết ngày 22/11/2023, bà Đ1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 12.128.112 đồng. Tổng cộng: 215.729.639 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà Đ1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà Đ1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản theo Hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Đ1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 13/9/2024 là 290.519.663 đồng; trong đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 86.918.136 đồng và lãi phát sinh từ ngày 14/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: 2 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 234; Tuy nhiên chưa đúng hạn thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 thanh toán cho nguyên Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 290.519.663 đồng; trong đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn:

86.918.136 đồng theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2023, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu Đ1** phải thanh toán tổng số tiền 215.729.639 đồng (Bằng chữ Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng) trong đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 12.128.112 đồng theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022 là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 29/6/2010.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu Đ1**, sinh năm 1980 có địa chỉ cư trú tại **2 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự:

Đại diện theo ủy quyền: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** ủy quyền cho **Công ty TNHH MTV Q** và khai thác tài sản **Ngân hàng TMCP S (Công Ty S1)**; Ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1991; Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2024 tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định Điều 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 15/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đương sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, Điều 208, khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu Đ1**, sinh năm 1980 tại địa chỉ cư trú tại **2 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu Đ1** theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Thị Thu Đ1** phải thanh toán tổng số tiền 215.729.639 đồng (Bằng chữ Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng) trong

đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 12.128.112 đồng theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022.

Nhận thấy, tại Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022 thể hiện Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Thu Đ1 thỏa thuận xác lập khoản vay tín dụng với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu) đồng với lãi suất thỏa thuận 2.4%/tháng theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S là phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 29/6/2010.

Nguyên đơn xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 885.817.006 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Thu Đ1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 714.866.103 đồng.

Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án số 46/2024/TBTL ngày 11/01/2024, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp, phiên hòa giải đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 chưa thanh toán tổng số tiền: 290.519.663 đồng; trong đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 86.918.136 đồng theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền phải thanh toán là phù hợp theo quy định tại các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 29/6/2010 nên chấp nhận.

[3.2] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 thanh toán cho nguyên Ngân hàng TMCP S tổng Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 thanh toán cho nguyên Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 290.519.663 đồng; trong đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 86.918.136 đồng theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ1 phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 290.519.663 đồng theo Hợp đồng

thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022 nên án phí dân sự sơ thẩm là 14.525.983 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi ba) đồng.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.303.238 (năm triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, hai trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu số 0007403 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 29/6/2010;

- Điều 2; 6, 7, 7a, 7b và điều 9; 30; 31 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**.

1. Buộc bà **Nguyễn Thị Thu Đ1** phải thanh toán cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền 290.519.663 đồng (trong đó: Nợ gốc: 203.601.527 đồng; Lãi quá hạn: 86.918.136 đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 14/9/2024 trên số dư nợ gốc thực nợ cho đến khi bà **Nguyễn Thị Thu Đ1** trả hết nợ gốc theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-6488 ngày 04/08/2022.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà **Nguyễn Thị Thu Đ1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.525.983 (mười bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi ba) đồng.

2.2. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.303.238 (năm triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, hai trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu số 0007403 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Viện Trưởng viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Oánh